

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2024/HSST
Ngày 28 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Đình Thanh.
2- Ông Nguyễn Xuân Trường.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2024/TLST - HS ngày 31 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo.

1. Họ và tên: Phạm Thành T (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1984, tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phạm Ngọc D, sinh năm 1960 và bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1960, hiện làm nông tại thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (đã ly hôn năm 2019), bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E.

Nhân thân: Tại Bản án số 182/HSST ngày 06/6/2002 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 12 tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Tại bản án số 38/2018/HSST ngày 10/7/2018 của Toà án nhân dân huyện Ea Kar xử phạt 07 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích. (Có mặt)

2. Họ và tên: Phạm Văn T1 (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1982, tại: tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phạm Hữu T2, sinh năm 1957 và bà: Vũ Thị M, sinh năm 1961, hiện cùng trú tại thôn D, xã E, huyện E. Vợ: Vũ Thị H1, sinh năm 1987, hiện đang trú tại thôn D, xã E, huyện E; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013,

nhỏ sinh năm 2020; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Tại Bản án số 193/2012/HSST ngày 20/6/2012 của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 17 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*”, chấp hành xong ngày 30/11/2013. (*Có mặt*)

3. Họ và tên: Phạm Văn H2; (Tên gọi khác: Không); S năm 1973, tại: tỉnh Hưng Yên; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở hiện nay: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phạm Văn Đ (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, hiện đang trú tại thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Vợ: Nguyễn Thị M1, sinh năm 1975, hiện đang làm nông tại: Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. (*Có mặt*)

4. Họ và tên: Trà Thị Thu T3 (Tên gọi khác: Không) Sinh năm 1985, tại: tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Trà Văn L1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1962, hiện đang làm nông tại thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chồng: Trịnh Ngọc M2, sinh năm 1975 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2017; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. (*Có mặt*)

5. Họ và tên: Bé Thị C1; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1984, tại: tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Thôn I, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Bé Minh C2, sinh năm 1954 và bà: Bàn Thị H3, sinh năm 1956, hiện đang làm nông tại thôn I, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Chồng: Hoàng Văn Á, sinh năm 1982 (đã ly hôn), bị cáo có 01 con, sinh năm 2015; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024, thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. (*Có mặt*)

6. Họ và tên: Phan Quang T4; (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1968, tại: tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phan Hữu T5 và bà: Nguyễn Thị L2 (đều đã chết); Vợ: Lê Thị L3, sinh năm 1972, hiện đang trú tại Buôn S, xã E, huyện E;

bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. (Có mặt)

-Người bào chữa cho bị cáo Bé Thị C1: Có ông Lê Trọng C3, Luật sư Văn phòng L5, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị L3, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Buôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

** Người làm chứng:* Ông Nguyễn Hùng.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tối ngày 18/5/2024, Phạm Văn H2 (trú tại buôn S, xã E, huyện E) cùng Phạm Thành T, (trú tại thôn H, xã C, huyện E), Bé Thị C1, (trú tại thôn I, xã E, huyện B), Trà Thị Thu T3, (trú tại thôn A, xã E, huyện E) và Phạm Văn T1, (trú tại thôn D, xã E, huyện E) đến nhà của Phan Quang T4 tại buôn S, xã E, huyện E để chơi. Đến khoảng 20^h00' cùng ngày, thấy trong phòng khách nhà T4 có 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây thì H2, T, C1, T3 và T1 cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền và xin được đánh bạc tại nhà T4 và hứa hẹn sẽ đóng tiền xâu, thì T4 đồng ý. Sau đó, T4 lấy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây rồi trải chiếu trên nền nhà phòng khách, đặt 01 chăn lên trên chiếu rồi đặt 02 bộ bài tú lơ khơ lên trên chăn, đồng thời lấy 01 hộp nhựa để H2, T, C1, T3 và T1 bỏ tiền xâu; tất cả thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh bài liêng được thua bằng tiền và sẽ bỏ 20.000 đồng vào hộp nhựa cho T4 nếu người thắng ván cược có 04 người trở lên cùng tham gia tổ. Khi tham gia đánh bạc, H2 sử dụng số tiền 5.010.000 đồng để đánh bạc, T sử dụng số tiền 2.520.000 đồng để đánh bạc, Chuyên sử dụng số tiền 1.880.000 đồng để đánh bạc, T3 sử dụng số tiền 2.720.000 đồng để đánh bạc, T1 sử dụng số tiền 4.590.000 đồng để đánh bạc.

Đến khoảng 22^h00' cùng ngày, khi H2, T, C1, T3 và T1 đang đánh bạc, còn T4 đang ngồi xem thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 16.720.000 đồng cùng các tang vật liên quan đến hành vi đánh bạc. Trong số tiền thu giữ trên chiếu bạc, số tiền thu tại vị trí của H2 có 4.910.000 đồng, thu tại vị trí của T 2.020.000 đồng, thu tại vị trí của C1 có 1.480.000 đồng, thu tại vị trí của T3 3.200.000 đồng, thu tại vị trí của T1 4.470.000 đồng, thu tiền xâu bỏ trong hộp nhựa cho T4 là 640.000 đồng.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 30/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Phản tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 31/7/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thành T

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn T1.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Phạm Văn H2, Phan Quang T4, Bé Thị C1.

Áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3.

Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Quang T4 và Bé Thị C1.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành T, từ 11 đến 13 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 19/5/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1, từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H2 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Trà Thị Thu T3 từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng

Xử phạt bị cáo Phan Quang T4 và Bé Thị C1 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 18/5/2024 đến ngày 23/5/2024.

** Về xử lý vật chứng:* Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.720.000 đồng và tịch thu $\frac{1}{2}$ căn phòng trị giá là 21.262.500 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Tuyên tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng; 01chiếu nhựa kích thước 1,9m x 1,86m, 01 hộp nhựa, 01chăn kích thước 2m x1,6m là vật không có giá trị sử dụng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bé Thị C1 trình bày lời bào chữa: Sau khi phân tích tình tiết sự việc, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, luật sư cho rằng việc truy tố, xét xử bị cáo Bé Thị C1 về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích nhân thân, hoàn cảnh gia đình đang nuôi con nhỏ, là lao động chính, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, để xử cho bị cáo mức án nhẹ để cho bị cáo tự cải tạo ở ngoài đời sống xã hội

Các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 không có ý kiến gì tham gia tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Do ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi các nhân, nên tối ngày 18/5/2024, tại nhà Phan Quang T4, buôn S, xã E, huyện E, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bế Thị C1 đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài liêng, khi các bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E quả tang, thu giữ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.720.000 đồng (*mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*). Mặc dù bị cáo Phan Quang T4 không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng đã dùng nhà của mình làm địa điểm để cho các con bạc thực hiện hành vi đánh bạc để thu tiền xấu. Do đó, hành vi của Phan Quang T4 chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm trong vụ án. Nên có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Hành vi của Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bế Thị C1 đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, và ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng tệ nạn cờ bạc trong cộng đồng dân cư, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh của xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực hành vi, các bị cáo phải biết và nhận thức được rằng: Hành vi đánh bạc trái phép hiện nay bị pháp luật cấm dưới mọi hình thức, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng đang nỗ lực sử dụng

nhiều biện pháp để phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội trong đó có việc đánh bạc bất hợp pháp. Mặc dù các bị cáo nhận thức được việc đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện với mục đích thu lợi bất chính. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo, nên hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý bằng pháp luật hình sự, nhằm mục đích răn đe giáo dục các bị cáo đồng thời để đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

[5] Trong vụ án này có 06 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

Đối với các bị cáo Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 thực hiện với vai trò là người thực hành, trực tiếp tham gia thực hiện hành vi đánh bạc. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc khác nhau, cần xem xét khi lượng hình. Bị cáo Phạm Văn H2 sử dụng số tiền 5.010.000 đồng, Phạm Văn T1 sử dụng số tiền 4.590.000 đồng, Phạm Thành T sử dụng số tiền 2.520.000 đồng, Trà Thị Thu T3 sử dụng số tiền 2.720.000 đồng, Bé Thị C1 sử dụng số tiền 1.880.000 đồng, cần phải xử lý các bị cáo này với mức án cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Đối với bị cáo Phan Quang T4, mặc dù bị cáo không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng là người cho các bị cáo trong vụ án mượn địa điểm, mượn bài, tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc để thu tiền sâu, thực hiện với vai trò đồng phạm trong vụ án. Cần phải xử lý bị cáo cho tương xứng với vai trò của bị cáo gây ra.

[6] Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

[6.1] Nhân thân: Các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Thành T có nhân thân xấu, bị cáo Phạm Thành T đã 02 lần bị kết án, trong đó có 01 lần bị kết án về tội “*Đánh bạc*”, bị cáo Phạm Văn T1 đã 01 lần bị kết án về tội “*Đánh bạc*”, mặc dù các bị cáo này đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định của bản án, thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng, rèn luyện cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6.2] Các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm Thành T, Phạm Văn T1 xuất thân là người dân lao động phổ thông, hoàn cảnh gia đình các bị cáo có những khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, là lao động chính. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Tuy bị cáo Phạm Văn T1 đã từng có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt nam, có thành tích trong công tác xã hội được tặng giấy khen, nhưng không thuộc trường hợp là người có thành tích xuất sắc theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của Kiểm sát viên, nên

không chấp nhận. Bị cáo có ông, bà nội là người có công cách mạng. Cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho Phạm Văn T1.

Các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 là các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình các bị cáo này có những khó khăn nhất định, nhất thời phạm tội. Cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Bé Thị C1 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hoá thấp, là lao động chính. Bị cáo Phan Quang T4 có bố là người có công được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Pháp hạng 3 và Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Bị cáo Phạm Văn H4 có ông Nội là người có công cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Phạm Văn H2, Phan Quang T4, Bé Thị C1 để xem xét khi lượng hình.

Bản thân các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1 đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội, ngoài phạm tội lần này thì các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar về áp dụng hình phạt và biện pháp miễn chấp hành hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3 và áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Phan Quang T4 và Bé Thị C1.

Trong thời gian bị cáo Phan Quang T4 và Bé Thị C1 chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phải bị khấu trừ một phần thu nhập, nhưng các bị cáo này không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Quang T4 và Bé Thị C1

Xét thấy cần cách ly bị cáo Phạm Thành T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới mong có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân chấp hành pháp luật có ích cho gia đình và xã hội sau khi tái hoà nhập cộng đồng.

[7] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án này, các bị cáo đều là người lao động phổ thông, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về vật chứng: Khi bắt quả tang thu trên chiếu bạc số tiền 16.720.000 đồng, 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01chiếu nhựa kích thước 1,9m x 1,86m, 01 hộp nhựa, 01chăn kích thước 2m x1,6m.

Đối với số tiền 16.720.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, đây là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, là vật chứng của vụ án, nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng; 01chiếu nhựa kích thước 1,9m x 1,86m, 01 hộp nhựa, 01chăn kích thước 2m x1,6m (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2024 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar) đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 căn phòng mà bị cáo Phan Quang T4 cho các bị cáo dùng làm địa điểm thực hiện hành vi đánh bạc, đây là tài sản chung của bị cáo Phan Quang T4 và bà Lê Thị L4, khi các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc thì bà Lê Thị L4 không biết, nên không có lỗi. Căn cứ kết luận định giá tài sản ngày 11/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E, căn phòng có giá trị 42.525.000 đồng. Nên cần tịch thu 1/2 giá trị căn phòng là 21.262.500 đồng để sung ngân sách nhà nước là phù hợp

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar về tội danh, đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo Bế Thị C1. Đề nghị này cơ bản phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần quan điểm của Viện Kiểm sát.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bế Thị C1, Phan Quang T4 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thành T, Phạm Văn T1.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Quang T4, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3, Bế Thị C1.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo Phạm Văn H2, Phan Quang T4, Bế Thị C1, Phạm Văn T1.

Và áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3.

Và áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Phan Quang T4 và Bế Thị C1.

+Xử phạt bị cáo Phạm Thành T: 10 (*Mười*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/5/2024.

+Xử phạt bị cáo Phạm Văn H2: 11 (*Mười một*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (*Hai mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1: 11 (*Mười một*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 (*Hai mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+Xử phạt bị cáo Trà Thị Thu T3 08 (*Tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (*Mười sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn H2, Trà Thị Thu T3 thay đổi nơi ở thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

+Xử phạt bị cáo Phan Quang T4, 01(Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024 (05 ngày tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 01 (Một) năm 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Bé Thị C1 01(Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/5/2024 đến ngày 23/5/2024 (05 ngày tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 01 (Một) năm 02 (hai) tháng 15 (mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện E nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Phan Quang T4 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Giao bị cáo Bé Thị C1 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo Phan Quang T4, Bé Thị C1 cư trú để giám sát, giáo dục, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo Phan Quang T4, Bé Thị C1 được miễn khấu trừ thu nhập.

Trường hợp các bị cáo Phan Quang T4, Bé Thị C1 không có việc làm hoặc mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt thì có thể phải thực hiện một số công việc lao động cộng đồng. Thời gian Lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày, và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Trường hợp các bị cáo Phan Quang T4, Bé Thị C1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

II. Các biện pháp tư pháp

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 16.720.000 đồng (*Mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0005992 ngày 12/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Tịch thu 1/2 căn phòng trị giá là 21.262.500 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng; 01chiếu nhựa kích thước 1,9m x 1,86m, 01 hộp nhựa, 01chăn kích thước 2m x1,6m (*Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2024 được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar*).

III. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Văn H2, Phạm Văn T1, Phạm Thành T, Trà Thị Thu T3, Bé Thị C1, Phan Quang T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

IV. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án gốc được các thành viên Hội đồng xét xử nghị án thống nhất, biểu quyết thông qua tại phòng nghị án và ký tên dưới đây.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- TANDTC;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Tuấn